



**SMEDF**

QUỸ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

SỔ TAY HƯỚNG DẪN  
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

# TIÊU CHÍ GẮN VỚI TĂNG TRƯỞNG XANH

LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP  
VÀ THỦY HẢI SẢN

Sổ tay Hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa về Tiêu chí gắn với tăng trưởng xanh được thực hiện bởi sự hỗ trợ của Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI) thông qua Chương trình hợp tác giữa GGGI và Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2017 – 2019.

GGGI là tổ chức liên chính phủ với Việt Nam là một nước thành viên sáng lập từ năm 2012. Hoạt động của GGGI nhằm hỗ trợ việc đạt được các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, tạo việc làm xanh, tiếp cận các dịch vụ công bền vững, cải thiện chất lượng không khí, cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái, và tăng cường thích ứng với biến đổi khí hậu.



Để biết thêm thông tin chi tiết về các hoạt động của GGGI tại Việt Nam xin liên hệ:

**GGGI tại Việt Nam**

 vietnam@gggi.org

 +84 24 3237 3480


 www.gggi.org



Để biết thêm thông tin chi tiết về cuốn sổ tay xin liên hệ:

**Quý Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF)**

Phòng 301, Nhà F, Trụ sở Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 6B Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

 0243.7957855 - 0243.7957897 (số máy lẻ hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp: 204 và 205)

 024 37512222

 callcenter.smedf@gmail.com  
smedf1@mpi.gov.vn

 www.smedf.gov.vn hoặc smedf.gov.vn

# MỤC LỤC

## CHƯƠNG I

Giới thiệu chung.....	4
1. Mục tiêu.....	5
2. Đối tượng sử dụng.....	5
3. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	5

## CHƯƠNG II

Những điều cơ bản về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh.....	6
1. Phát triển bền vững.....	7
2. Tăng trưởng xanh.....	7
3. Lợi ích của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tiếp cận với tăng trưởng xanh.....	7

## CHƯƠNG III

Các tiêu chí hướng đến tăng trưởng xanh của một dự án, phương án sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy hải sản.....	9
<b>Phụ lục 01.....</b>	<b>20</b>
Mẫu dự án – phương án sản xuất kinh doanh gắn với tiêu chí xanh, . phát triển bền vững trong lĩnh vực Nông nghiệp.....	20
<b>Phụ lục 02 .....</b>	<b>40</b>
Mẫu dự án – phương án sản xuất kinh doanh gắn với tiêu chí xanh, . phát triển bền vững trong lĩnh vực Lâm nghiệp.....	40
<b>Phụ lục 03 .....</b>	<b>54</b>
Mẫu dự án – phương án sản xuất kinh doanh gắn với tiêu chí xanh, . phát triển bền vững trong lĩnh vực Thủy hải sản.....	54

# CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG

## 1. MỤC TIÊU

Mục tiêu chung:

Hướng dẫn những nội dung cần thiết, hữu ích cho doanh nghiệp nhỏ và vừa về cách lập dự án sản xuất kinh doanh hướng đến tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

Mục tiêu cụ thể:

- Cung cấp những thông tin thiết yếu giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa nắm được những yêu cầu, tiêu chí chủ yếu để tiếp cận các nguồn hỗ trợ từ những tổ chức tài chính có chính sách hỗ trợ tài chính hướng tới tăng trưởng xanh tại Việt Nam;
- Hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa xây dựng dự án, phương án sản xuất kinh doanh gắn với tiêu chí tăng trưởng xanh.

## 2. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Những tổ chức, cá nhân liên quan đến phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững tại Việt Nam.

## 3. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, thực hiện các chức năng sau đây:

- a) Cho vay, tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;
- b) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

CHƯƠNG II:  
NHỮNG ĐIỀU CƠ BẢN  
VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG,  
TĂNG TRƯỞNG XANH

## 1. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một khái niệm nhằm định nghĩa sự phát triển về mọi mặt trong xã hội hiện tại mà vẫn phải bảo đảm sự tiếp tục phát triển trong tương lai xa. Phát triển bền vững (PTBV) hiện đang là mục tiêu hướng tới của nhiều quốc gia trên thế giới.

Theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), phát triển bền vững là một loại hình phát triển, lồng ghép quá trình sản xuất với bảo tồn tài nguyên và nâng cao chất lượng môi trường sống. Phát triển bền vững cần phải đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không phương hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai.

## 2. TĂNG TRƯỞNG XANH

Tăng trưởng xanh ở Việt Nam là một nội dung quan trọng của PTBV. Tăng trưởng xanh hay xây dựng nền kinh tế xanh là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để thu được kết quả tốt hơn từ các khoản đầu tư cho tài nguyên, nhân lực và tài chính, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính (KNK), ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, tạo ra ít chất thải hơn, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và giảm sự mất công bằng trong xã hội.

Chính phủ Việt Nam đã ban hành các văn bản như Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 ban hành Kế hoạch hành động Quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Quyết định 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 phê duyệt Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh và Quyết định 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 phê duyệt Kế hoạch hành động Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020.

### ***Vậy, một doanh nghiệp như thế nào được coi là doanh nghiệp “xanh”?***

Một doanh nghiệp được coi là doanh nghiệp xanh nếu cung cấp sản phẩm xanh hoặc dịch vụ và/hoặc có quy trình sản xuất xanh. Các sản phẩm và dịch vụ xanh là những sản phẩm thân thiện với môi trường, nguồn lực hiệu quả và giảm thiểu chất thải. Mặt khác, các doanh nghiệp cải tiến quy trình sản xuất để tiêu tốn ít năng lượng và chất liệu, ít lãng phí và phát thải cũng được xem là doanh nghiệp xanh. Doanh nghiệp xanh còn

là doanh nghiệp tạo ra một môi trường làm việc và hệ thống phúc lợi tốt cho người lao động.

### **3. LỢI ÍCH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHI TIẾP CẬN VỚI TĂNG TRƯỞNG XANH**

Tăng trưởng xanh cần được nhìn nhận là cơ hội mới cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa:

- Sự suy thoái hiện tại của tài nguyên thiên nhiên, khi biến đổi khí hậu đang trở thành mối quan tâm trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Do đó, mối quan tâm của cộng đồng về ô nhiễm được tăng cao;
- Xu hướng sử dụng sản phẩm thay đổi. Người dân ngày càng quan tâm đến các sản phẩm an toàn, thân thiện môi trường và bảo vệ môi trường. Vì vậy, muốn phát triển sản phẩm nhất thiết phải tôn trọng các yêu cầu môi trường;
- Nhu cầu về sản phẩm hoặc dịch vụ thân thiện với môi trường và sinh thái ngày càng tăng và do vậy, thị trường đang phát triển theo hướng mở rộng cả về phạm vi và về cơ hội đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo hướng xanh và phát triển bền vững.



**CHƯƠNG III:  
CÁC TIÊU CHÍ HƯỚNG  
ĐẾN TĂNG TRƯỞNG XANH  
CỦA MỘT DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN  
SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG  
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP,  
LÂM NGHIỆP VÀ THỦY HẢI SẢN**

Tại chương này, Sổ tay sẽ đưa ra một số ví dụ về tiêu chí theo quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam được xếp vào là các tiêu chí xanh. Đồng thời, Sổ tay cũng cung cấp một số kinh nghiệm trong lĩnh vực Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy hải sản của một số quốc gia, tổ chức trên thế giới về hệ thống các tiêu chí xanh đang được áp dụng nhằm cung cấp thêm thông tin toàn diện hơn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Nội dung cụ thể như sau:

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
<p><b>Nhóm tiêu chí về sản phẩm đầu ra:</b></p> <p><b>Sản xuất các sản phẩm chất lượng cao; sử dụng vật liệu mới, năng lượng mới.</b></p>	<p><b>Sản phẩm chất lượng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sản phẩm doanh nghiệp đạt giải thưởng chất lượng quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận (Theo Thông tư số: 17/2011/TT-BKHCN ngày 30/6/2011 Quy định về giải thưởng chất lượng quốc gia, TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 7 Thông tư số: 17/2011/TT-BKHCN)</li> <li>Sản phẩm có chứng nhận là hàng chất lượng cao của cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành cấp. Ví dụ như chứng nhận chất lượng cao của hàng nông, lâm, thủy sản của Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp.</li> </ul>	<p><b>* Nông nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, an toàn và hiệu quả cao áp dụng quy trình quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), VietGAP, tập trung vào các loại cây lương thực, cây thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp chủ lực;</li> </ul> <p><b>* Lâm nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu kỹ thuật cây giống thảo quả: Một lô cây giống được coi là đạt yêu cầu khi 100% số mẫu kiểm tra đạt yêu cầu kỹ thuật</li> </ul> <p><b>* Thủy hải sản:</b></p> <p>áp dụng được tiêu chuẩn HACCP (nếu được), TCVN 22000:2005</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu chất lượng hàng thủy sản chia làm hai hương: hoặc là giữ nguyên trạng thái ban đầu (thủy sản tươi sống) hoặc là chế biến theo những công nghệ nhằm duy trì tốt chất lượng nguyên thủy và tạo ra sản phẩm tiện lợi cho người tiêu dùng;</li> <li>Chỉ tiêu cảm quan: Trạng thái tự nhiên, mùi vị, màu sắc của sản phẩm.</li> <li>Chỉ tiêu hoá học: Quy định hàm lượng Nitơ dưới dạng Amoniác, độ pH, dư lượng các chất hóa học trong 1 gam sản phẩm.</li> <li>Chỉ tiêu vi sinh: Quy định loại, lượng, khuẩn có trong sản phẩm như: khuẩn hoá khí, khuẩn hiếm khí, khuẩn Coliformen...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính Phủ Về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;</li> <li>Quyết định 4275/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2016 công bố Tiêu chuẩn quốc gia về công nghiệp khai thác gỗ do Bộ trưởng Bộ Khoa Học và Công Nghệ ban hành;</li> <li>Quyết định 600/QĐ-BKHCN ngày 28/3/2017 công bố tiêu chuẩn Quốc gia về giống cây lâm nghiệp do Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành;</li> <li>QCVN 02- 02: 2009/ BNMPTNT Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản – Chương trình đảm bảo chất lượng và ATTP theo nguyên tắc HACCP.</li> </ul>

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
	<p><b>Sử dụng vật liệu mới:</b></p> <p>Sản xuất các sản phẩm nằm trong danh mục sản phẩm mục tiêu của Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 – 2020: “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới” do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.</p>	<p><b>* Nông nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tạo ra các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, sau thu hoạch và chế biến đối với cây trồng nông, lâm nghiệp, đặc biệt là cây trồng trong nhà kính, nhà lưới, như: Phân bón chuyên dụng, giá thể, chế phẩm sinh học, chất điều hòa sinh trưởng, khung nhà lưới, lưới che phủ, hệ thống tưới, thiết bị chăm sóc, thu hoạch, hệ thống thông thoáng khí;</li> <li>Phát triển các cơ sở, tổ chức doanh nghiệp khai thác và sử dụng nguồn than bùn bên vùng tại các khu vực đất ngập nước có bề than bùn.</li> </ul> <p><b>* Lâm nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng &amp; vận hành các cơ sở khai thác và chế biến lâm sản từ gỗ của rừng trồng thay bằng gỗ từ rừng tự nhiên;</li> <li>Xây dựng &amp; vận hành các cơ sở khai thác và chế biến lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao (sâm Ngọc Linh, thảo quả, Mac-ca);</li> <li>Phát triển các doanh nghiệp mới và đổi mới công nghệ chế tạo các sản phẩm đồ gỗ gia dụng sử dụng từ dăm gỗ thay cho gỗ tấm;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính Phủ Về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;</li> <li>Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020.- Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 – 2020;</li> <li>Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 về Các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;</li> </ul>

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát triển các hoạt động dân nhân sản phẩm đồ gỗ có nguồn gốc (cac-bon footprint).</li> </ul> <p><b>* Thủy hải sản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Cải tiến các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, như thức ăn, chế phẩm sinh học; khung nhà, hệ thống chiếu sáng; hệ thống phân phối thức ăn, thu hoạch trong chăn nuôi; hệ thống điều khiển tự động trong sản xuất thức ăn chăn nuôi; hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn; hệ thống điều tiết nước tuần hoàn; hệ thống mương nối; hệ thống ao nhân tạo trong nuôi trồng thủy sản, làm tăng chất lượng sản phẩm hoặc cải thiện môi trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính Phủ Về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.</li> </ul>
	<p><b>Sử dụng năng lượng mới:</b></p> <p>Năng lượng mới, năng lượng tái tạo bao gồm năng lượng gió, thủy triều, sóng biển, địa nhiệt, mặt trời, sinh khối.</p>	<p><b>* Nông nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phụ phẩm, phế thải trong sản xuất nông nghiệp và các loại cây trồng khác có thể sử dụng làm nhiên liệu cho sản xuất điện như bã mía, gỗ tạp, trấu, rơm rạ.</li> </ul> <p><b>* Thủy hải sản:</b></p> <p>Đổi mới trang thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo trong nuôi trồng, bảo quản và chế biến thủy sản</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12;</li> <li>Thông tư số 19/2013/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 3 năm 2013 về Hướng dẫn biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.</li> </ul>

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
<p><b>Nhóm tiêu chí về tính đổi mới:</b></p> <p><b>Đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động</b></p> <p><b>Đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động; chế tạo, sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao</b></p>	<p><b>Đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động:</b></p> <p>Có thuyết minh/ chứng nhận việc đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động. Năng suất lao động được tính theo số sản phẩm bình quân trên 1 lao động trực tiếp sản xuất ra sản phẩm.</p>	<p><b>* Nông nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sản xuất giống và ứng dụng rộng rãi các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu cao, tập trung vào các đối tượng cây trồng chủ lực phục vụ cho an ninh lương thực, xuất khẩu và thay thế nhập khẩu; áp dụng trong sản xuất giống cây trồng biến đổi gen (ngô, đậu tương, bông);</li> </ul> <p><b>* Lâm nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhân nhanh và sản xuất giống quy mô công nghiệp một số giống cây trồng lâm nghiệp mới, như: Keo lai, bạch đàn bằng công nghệ mô, hom;</li> <li>Ươm trồng, lai tạo, cung cấp các giống cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao (cây thuốc, cây ăn quả, cây cảnh ...) phù hợp cho các loại rừng tại các địa phương.</li> </ul> <p><b>* Thủy hải sản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Ưu tiên nghiên cứu, chọn tạo và phổ biến các giống thủy sản chất lượng tốt, năng suất cao; cải tiến kỹ thuật nuôi nhằm tăng tỷ lệ chuyển hóa thức ăn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;</li> <li>Thông tư số 19/2013/TT-BNMPTNT ngày 15 tháng 3 năm 2013 về Hướng dẫn biên phép sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.</li> </ul>

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
	<p><b>Chế tạo sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Được cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích do Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH và Công nghệ cấp hoặc có bằng sáng chế do các cơ quan có thẩm quyền tại các nước trên thế giới cấp trong 5 năm gần nhất. (Luật Sở hữu trí tuệ số 19/2017/QH14 ngày 18/12/2013)</li> <li>Có thuyết minh, căn cứ chứng minh công nghệ tiên tiến lần đầu tiên được chuyển giao vào Việt Nam. (Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017 định nghĩa công nghệ mới là công nghệ lần đầu tiên được tạo ra tại Việt Nam)</li> </ul>	<p><b>* Nông nghiệp:</b></p> <p><b>Mô hình Multilateral Development Banks (MDBs):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các dự án nông nghiệp cải thiện các bể chứa carbon hiện có (ví dụ quản lý đất đai thu mua và sử dụng bã mía, trấu hoặc các chất thải nông nghiệp khác; giảm kỹ thuật canh tác làm tăng hàm lượng carbon trong đất, phục hồi đất thoái hóa, phục hồi đất than bùn).</li> <li>Các dự án thu gom, tái chế và quản lý chất thải, nước thải thu hồi hoặc tái sử dụng vật liệu và chất thải, nước thải như đầu vào sản phẩm mới hoặc như một nguồn lực.</li> </ul> <p><b>* Lâm nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản rừng, quản lý rừng, nhân giống cây rừng (thí dụ áp dụng mã vạch ADN trong quản lý cây rừng; phần mềm theo dõi diễn biến rừng);</li> <li>Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản và chế biến gỗ; vật liệu và công nghệ nano để nâng cao độ bền cơ học, độ bền sinh học của gỗ rừng trồng mọc nhanh; sản xuất vật liệu mới dạng bio-composite từ gỗ và thực vật có sợi;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định 1985/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;</li> <li>Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;</li> <li>Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (thay thế Quyết định 69/2010/QĐ-TTg ngày 03/11/2010).</li> </ul>

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được khuyến khích đầu tư phát triển do Thủ tướng phê duyệt từng thời kỳ (Quyết định Số: 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 về việc phê duyệt danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển và quyết định 13/2017/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung QĐ 66/2014/QĐ-TTg).</li> <li>Có chứng nhận công nghệ cao do Văn phòng Chứng nhận hoạt động công nghệ cao thuộc Bộ KH và CN cấp.</li> <li>Có chứng nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao do các cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành cấp. Ví dụ DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp cấp.</li> </ul>	<p><b>* Thủy hải sản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng và mở rộng mô hình bảo quản dài ngày sản phẩm thủy sản trên tàu cá; chế biến các sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng cao.</li> <li>Nuôi trồng sử dụng công nghệ mới, thân thiện môi trường.</li> </ul>	



Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
<p>Nhóm tiêu chí môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường:</li> <li>Sản phẩm có nhãn năng lượng xác nhận hoặc nhãn năng lượng so sánh (5 sao) do Bộ Công Thương cấp theo Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ Công Thương.</li> <li>Có thuyết minh/ chứng nhận sản phẩm có mức hiệu suất năng lượng cao hơn mức hiệu suất năng lượng tối thiểu (mức hiệu suất năng lượng của sản phẩm được thử nghiệm bởi các tổ chức thử nghiệm nằm trong danh sách tổ chức được Bộ Công Thương chỉ định theo Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ Công Thương.</li> <li>Dự án, phương án sản xuất hoặc sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo;</li> </ul>	<p><b>Sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sản phẩm có nhãn năng lượng xác nhận hoặc nhãn năng lượng so sánh (5 sao) do Bộ Công Thương cấp theo Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ Công Thương.</li> <li>Có thuyết minh/ chứng nhận sản phẩm có mức hiệu suất năng lượng cao hơn mức hiệu suất năng lượng tối thiểu (mức hiệu suất năng lượng của sản phẩm được thử nghiệm bởi các tổ chức thử nghiệm nằm trong danh sách tổ chức được Bộ Công Thương chỉ định theo Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ Công Thương.</li> </ul>	<p><b>* Nông nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phát triển quy trình công nghệ tổng hợp và tự động hoá quá trình trồng trọt và thu hoạch các loại cây trồng trong nhà lưới, nhà kính, như Giải thể, công nghệ thủy canh, tưới nước tiết kiệm, điều tiết tự động dinh dưỡng, ánh sáng, chăm sóc, thu hoạch; nghiên cứu phát triển quy trình công nghệ thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); quy trình công nghệ sản xuất cây trồng an toàn theo VietGAP;</li> </ul> <p><b>* Lâm nghiệp:</b></p> <p>Mô hình Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Trồng rừng trên đất không có rừng</li> <li>Tái trồng rừng trên đất rừng trước đây</li> <li>Các hoạt động quản lý rừng bền vững làm tăng trữ lượng các-bon hoặc giảm tác động của các hoạt động lâm nghiệp</li> <li>Các dự án bảo tồn sinh quyển (bao gồm các khoản thanh toán cho các dịch vụ hệ sinh thái) nhằm giảm phát thải do phá rừng hoặc suy thoái các hệ sinh thái.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định 923/QĐ-BNN-KH 24/3/2017 về Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến 2020;</li> <li>Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam trong đó có ngành kinh tế Lâm nghiệp;</li> <li>Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020;</li> <li>Nội dung số 14 Phụ lục II, Quyết định số 66/QĐ-BNN-KHCN ngày 11/01/2013 ban hành kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện kế hoạch hành động quốc gia biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020;</li> <li>Quyết định số 1555/QĐ-BNN-TCUN ngày 08/7/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp”;</li> </ul>

<p>Tiêu chí xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững</b></li> </ul>	<p>Giải thích tiêu chí</p>	<p>Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng</p>	<p>Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đối với sản phẩm đã lưu thông trên thị trường: Sản phẩm được chứng nhận nhãn sinh thái (Nhãn xanh Việt Nam) do Tổng cục Môi trường chứng nhận. (Thông tư số 41/2013/TT-BTNMT ngày 2/12/2013 Quy định trình tự, thủ tục, chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện với môi trường) + Đối với sản phẩm mới chưa lưu thông trên thị trường: Sản phẩm có thuyết minh, chứng nhận đáp ứng các tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam theo quy định của Bộ TNMT và cam kết trong thời gian 12 tháng kể từ ngày dự án chính thức đi vào hoạt động phải được cấp chứng nhận nhãn sinh thái.</li> </ul>	<p><b>* Thủy hải sản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Mô hình BAP: (Best Aquaculture Practices) Các trang trại phải giám sát chính xác nguồn thức ăn đầu vào và giảm thiểu việc sử dụng bột cá và dầu cá thu được từ nghề cá hoang dã.</li> <li>Tài trang bị bằng các thiết bị tiết kiệm năng lượng, các thiết bị xử lý nguồn nước thải tại các trang trại nuôi trồng và chế biến thủy sản</li> <li>Các trang trại thủy sản nuôi trồng thủy sản sạch (không sử dụng thức ăn có chất kích thích tăng trưởng), an toàn (sản phẩm không có dư lượng kháng sinh và hóa chất).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.</li> <li>Thông tư số 41/2013/TT-BTNMT ngày 2/12/2013 Quy định trình tự, thủ tục, chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện với môi trường.</li> <li>Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS của Bộ NN&amp;PTNT ngày 6/9/2014 ban hành Quy phạm nuôi trồng thủy sản tốt ở VN (VIETGAP).</li> </ul>

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
	<p>(Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường định nghĩa Sản phẩm thân thiện môi trường là sản phẩm đáp ứng các tiêu chí nhân sinh thái và được chứng nhận nhân sinh thái).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sản phẩm sử dụng trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ theo Phụ lục III danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ. (Ban hành kèm theo Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ)</li> </ul>		

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
	<p><b>Dự án, phương án sản xuất hoặc sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Dự án sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Phụ lục I: Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao (Ban hành kèm theo Nghị định số 120/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ)</li> <li>Dự án sản xuất hoặc sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch bao gồm: sóng biển, gió, sinh khối, mặt trời, thủy triều, địa nhiệt.</li> </ul>	<p><b>* Nông nghiệp:</b></p> <p>Về cây trồng, nông, lâm nghiệp: Tập trung nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sử dụng ưu thế lai, công nghệ đột biến thực nghiệm và công nghệ sinh học để tạo ra các giống cây trồng mới có các đặc tính nông học ưu việt (năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất thuận), phù hợp với yêu cầu của thị trường; công nghệ nhân giống để đáp ứng nhu cầu cây giống có chất lượng cao, sạch bệnh;</p> <p><b>* Lâm nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ tự động hoá nhằm tiết kiệm nguyên liệu, thời gian và nâng cao hiệu quả sử dụng gỗ;</li> </ul> <p><b>* Thủy hải sản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Áp dụng công nghệ mới trong xử lý ao nuôi theo hướng thân thiện với môi trường (tận dụng thực vật thủy sinh để xử lý môi trường, sử dụng công nghệ lọc tuần hoàn để hạn chế thay nước).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.</li> <li>Thông tư số 19/2013/TT-BNNPTMT ngày 15 tháng 3 năm 2013 về Hướng dẫn biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.</li> </ul>

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
	<p><b>Hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Có thuyết minh/ chứng nhận hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững. Ví dụ: Đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về năng lượng và phát thải do các cơ quan chức năng thẩm định, hoặc báo cáo của công ty kiểm toán năng lượng.</li> </ul>	<p><b>* Nông nghiệp:</b></p> <p><b>Mô hình của Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC): những tiêu chí sau nhằm làm giảm phát thải nhà kính:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Trồng cây luân canh và thiết kế hệ thống canh tác</li> <li>Sử dụng các loại cây trồng phủ đất và tránh bỏ hoang</li> <li>Cải tiến giống cây trồng</li> <li>Quản lý dinh dưỡng và phân bón a. Sử dụng phân bón lâu tan</li> <li>Quản lý đất canh tác và dư thừa</li> <li>Giảm đất trồng trọt không cần thiết bằng cách sử dụng các chiến lược và phương pháp giảm hoặc không cày</li> <li>Quản lý chăn nuôi, bãi nuôi, và cải thiện dụng cụ:             <ol style="list-style-type: none"> <li>Chăn nuôi bò sữa cho hiệu quả suốt đời</li> <li>Ngăn ngừa khí thải meetan từ phân và bé nước</li> <li>Sử dụng khí sinh học làm tài nguyên</li> </ol> </li> <li>Phương pháp áp dụng: Sử dụng mô hình biogas để đun nấu, phát điện</li> <li>Sử dụng phân hữu cơ</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định 923/QĐ-BNN/KH 24/3/2017 về kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020.</li> <li>Quyết định số 1895/QĐ - TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.</li> <li>Thông tư số 19/2013/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 3 năm 2013 về Hướng dẫn biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.</li> </ul>

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
		<p>4) Duy trì đất màu mỡ và phục hồi đất bị xuống cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Cải thiện sự màu mỡ, phì nhiêu bằng cách bổ sung chất dinh dưỡng</li> <li>b. Áp dụng các chất nền như phân hữu cơ, phân bón</li> <li>c. Cắt giảm đất canh tác, không canh tác, cách tác ruộng bậc thang, trồng theo luống, trồng ở nền đất cao để ngăn chặn sự xói mòn và sự khoáng hóa carbon</li> <li>d. Tiết kiệm nước</li> </ul> <p><b>* Lâm nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đối với sản phẩm lâm nghiệp công nghệ : công nghệ sấy sinh thái, công nghệ ngâm, tẩm để bảo quản gỗ; công nghệ sinh học sản xuất chế phẩm bảo quản, chế phẩm chống mối, một thế hệ mới; công nghệ sản xuất các màng phủ thân thiện với môi trường;</li> </ul> <p><b>* Thủy hải sản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hạn chế sử dụng dư thừa thức ăn trong các hệ thống nuôi; kiểm soát dịch bệnh; đảm bảo điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm.</li> <li>• Xây dựng và nhân rộng mô hình nuôi trồng thủy sản tiết kiệm nước; mở rộng các mô hình nuôi kết hợp, nuôi ghép (luân canh, đa canh – tận dụng bác dinh dưỡng, nuôi kết hợp – trang trại kết hợp VAC).</li> </ul>	

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
<p><b>Nhóm tiêu chí Năng lực quản trị điều hành của doanh nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Năng lực, kinh nghiệm quản trị điều hành của Ban giám đốc có 03 năm kinh nghiệm làm việc trở lên trong lĩnh vực có liên quan đến dự án đề xuất hoặc có 03 năm kinh nghiệm trở lên về quản lý doanh nghiệp.</li> </ul> <p><b>Lịch sử uy tín tín dụng của doanh nghiệp:</b></p> <p>Doanh nghiệp không có nợ nhóm 2 trở lên trong 12 tháng gần nhất tính tới thời điểm xét duyệt hồ sơ và không có nợ nhóm 3 trở lên trong 36 tháng gần nhất tính tới thời điểm xét duyệt hồ sơ.</p>	<p><b>Năng lực, kinh nghiệm quản trị điều hành của người quản lý doanh nghiệp:</b></p> <p>Có ít nhất một thành viên của Ban giám đốc có 03 năm kinh nghiệm làm việc trở lên trong lĩnh vực có liên quan đến dự án đề xuất hoặc có 03 năm kinh nghiệm trở lên về quản lý doanh nghiệp.</p> <p><b>Lịch sử uy tín tín dụng của doanh nghiệp:</b></p> <p>Doanh nghiệp không có nợ nhóm 2 trở lên trong 12 tháng gần nhất tính tới thời điểm xét duyệt hồ sơ và không có nợ nhóm 3 trở lên trong 36 tháng gần nhất tính tới thời điểm xét duyệt hồ sơ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>03 năm kinh nghiệm được xác minh bằng hợp đồng lao động, hoặc quyết định bổ nhiệm hoặc giấy xác nhận công tác, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp có thời gian hoạt động sản xuất kinh doanh trên 3 năm.</li> <li>Ban giám đốc bao gồm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.</li> </ul> <p>Thông tin CIC do Ngân hàng cung cấp</p>	<p>Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh</p>

Tiêu chí xanh	Giải thích tiêu chí	Ví dụ một số tiêu chí tăng trưởng xanh được áp dụng	Nguồn các văn bản pháp luật Việt Nam có quy định tiêu chí xanh
<p><b>Nhóm tiêu chí tạo việc làm và yếu tố về giới:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sản xuất kinh doanh tạo nhiều việc làm mới</li> <li>• Sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động nữ</li> </ul>	<p><b>Sản xuất kinh doanh tạo nhiều việc làm mới:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Căn cứ thuyết minh, chi phí và tình hợp lý của dự án</li> <li>• Số lượng việc làm là số lao động bình quân năm mà dự án sẽ tạo ra, được tính bằng số bình quân của số lao động ghi trên bảng thanh toán tiền lương, tiền công hàng tháng của Doanh nghiệp.</li> </ul>	<p><b>Các tiêu chí của Forest Stewardship Council (FSC):</b> DNNVV thúc đẩy bình đẳng giới trong các hoạt động tuyển dụng, cơ hội đào tạo, ký kết hợp đồng, tham gia vào các hoạt động quản lý.</p> <p>-Chống phân biệt đối xử và bình đẳng giới khi tuyển dụng lao động;</p>	
	<p><b>Sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động nữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Căn cứ thuyết minh và cam kết của chủ DN</li> <li>• DNNVV do phụ nữ làm chủ DN</li> <li>• Đạt trên 51% tỷ lệ lao động là nữ</li> </ul>	<p>Chống phân biệt đối xử và bình đẳng giới khi tuyển dụng lao động;</p>	



**PHỤ LỤC 01**  
**MẪU DỰ ÁN – PHƯƠNG ÁN SẢN**  
**XUẤT KINH DOANH GẮN VỚI TIÊU**  
**CHÍ XANH, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**  
**TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**

## CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

### 1. GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ

Tên Doanh nghiệp	
Địa chỉ trụ sở chính	
Địa chỉ liên lạc	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Mã số DN)	
Giấy chứng nhận đầu tư số (Nếu có)	
Điện thoại/ Fax	
Email	
Website	
Vốn điều lệ	
Vốn chủ sở hữu năm tài chính gần nhất	
Hình thức sở hữu (Công ty TNHH, Công ty CP, DNTN)	
Ngành nghề kinh doanh chính	
Sản phẩm của DN đang sản xuất	
Người đại diện pháp luật	
Chức vụ	
Số CMND/ Hộ chiếu	
Điện thoại/ Thông tin liên lạc	
Kinh nghiệm làm việc của các thành viên Ban giám đốc	
(Tên thành viên Ban giám đốc/ Số năm kinh nghiệm)	
Lịch sử tín dụng DN (DN hiện đang có quan hệ tín dụng với ngân hàng nào? Có nợ xấu, nợ cần chú ý trong 3 năm gần nhất không?)	

## 2. MÔ TẢ SƠ BỘ THÔNG TIN DỰ ÁN

Tên dự án:

Địa điểm thực hiện dự án:

Quy mô dự án:

Tổng vốn đầu tư dự kiến:

Sản phẩm đầu ra:

Thời gian thực hiện:

Vòng đời dự án:

Những điểm nổi bật doanh nghiệp sẽ thu được từ dự án:

## 3. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- 3.1. DN đánh giá chung về thị trường nông nghiệp tại Việt Nam và lĩnh vực Nông nghiệp liên quan đến dự án.
- 3.2. Đánh giá thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ đầu ra của dự án (Đánh giá tổng quan về nhu cầu sản phẩm của dự án, Đánh giá về cung sản phẩm, Thị trường mục tiêu và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án, Phương thức tiêu thụ và mạng lưới phân phối, Đánh giá, dự kiến khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án).
- 3.3. Đánh giá khả năng cung cấp nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào.  
=> Nêu bật được sự cần thiết và tính khả thi của việc đầu tư lần này.

## 4. CƠ SỞ PHÁP LÝ DỰ ÁN

Chủ đầu tư nêu tên các văn bản quy phạm pháp luật tác động tới việc đầu tư dự án lần này.

## CHƯƠNG II: QUY MÔ DỰ ÁN

### 1. QUY MÔ DỰ ÁN

- Tổng diện tích khu đất:  
DN nêu rõ diện tích của các hạng mục xây dựng
- Tổng diện tích xây dựng:

### 2. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT DỰ ÁN

#### 2.1 GIẢI PHÁP THIẾT KẾ, XÂY DỰNG

Chủ đầu tư nêu rõ tên các hạng mục xây dựng của dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Kết cấu

#### 2.2. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

##### 2.2.1. CÁC GIẢI PHÁP CUNG ỨNG ĐẦU VÀO

- Giải pháp cấp điện:
- Giải pháp cấp nước:
- Giải pháp chống sét:
- Giải pháp về thông tin liên lạc:
- Các biện pháp PCCC:

##### 2.2.2. CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

*a/ Danh mục hệ thống máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển liên quan đến việc sản xuất hiện có:*

**b/ Danh mục hệ thống máy móc đầu tư thêm mới:**

TT	Tên máy móc, thiết bị mới	Số lượng	Năm sản xuất/Năm đưa vào sử dụng	Xuất xứ	Đơn giá (chưa thuế)	Nguyên giá (chưa thuế)	Giá trị còn lại (chưa thuế)

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÁY**

TT	Tên máy móc, thiết bị mới	Thông số kỹ thuật	Tình trạng

- Việc đổi mới trang thiết bị kỹ thuật, máy móc lần này có làm tăng năng suất lao động không? (Nếu có, DN thuyết minh về việc đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Doanh nghiệp có được cấp bằng độc quyền sang chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích do Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH và CN cấp hoặc có bằng sang chế do các cơ quan có thẩm quyền tại các nước trên thế giới cấp trong 5 năm gần nhất không? (Nếu có, DN nêu tên và đơn vị cấp bằng; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Công nghệ của công ty có phải công nghệ tiên tiến lần đầu tiên được chuyển giao vào Việt Nam? (Nếu có, DN thuyết minh hoặc căn cứ chứng minh; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Công nghệ của Dự án là công nghệ gì? Có thuộc Danh mục công nghệ cao được khuyến khích đầu tư phát triển do Thủ tướng phê duyệt từng thời kỳ hoặc có chứng nhận công nghệ cao do Văn phòng chứng nhận hoạt động công nghệ thuộc Bộ KH và CN cấp hoặc có chứng nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao do các cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành cấp không? (Nếu có, DN nêu tên và đơn vị cấp chứng nhận; Nếu không, bỏ qua nội dung này)

- Dự án, phương án SXKD có sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị định số 120/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ) không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)

### **2.2.3. CÁC GIẢI PHÁP XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG**

- Chủ đầu tư chỉ rõ các nguồn gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, nguồn gây ồn,...Đồng thời, DN đưa ra các biện pháp khống chế và giảm thiểu những tác động có hại phát sinh từ Dự án.
- Hoạt động sản xuất của Dự án có tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững không? (Nếu có, DN thuyết minh hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường bền vững; Nếu không, bỏ qua nội dung này).

## **3. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ ÁN**

### **4. SẢN PHẨM DỰ ÁN**

- Sản phẩm của dự án: DN nêu tên cụ thể các sản phẩm đầu ra của dự án
- Một số hình ảnh mang tính minh họa cho sản phẩm của Công ty
- Sản phẩm dự án có đạt giải thưởng chất lượng quốc gia do bộ KH và CN chứng nhận không? (Nếu có, DN nêu tên giải thưởng/ năm đạt giải) hoặc sản phẩm dự án có chứng nhận là hàng chất lượng cao của cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành cấp? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Sản phẩm của dự án có nằm trong danh mục sản phẩm mục tiêu của Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 – 2020: “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới” do bộ KH và CN ban hành không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Sản phẩm có phải là sản phẩm thân thiện với môi trường không (Sản phẩm được chứng nhận nhãn sinh thái - Nhãn xanh Việt Nam do Tổng cục Môi trường chứng nhận)? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)

- Sản phẩm của dự án có được sử dụng trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ theo “PHỤ LỤC III danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)

## 5. TIẾN ĐỘ DỰ ÁN

Công ty nêu tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện dự án đến giai đoạn dự án đi vào hoạt động).

## 6. HÌNH THỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, thực hiện dự án hay thuê đơn vị thi công.

## 7. KHẢ NĂNG TẠO VIỆC LÀM VÀ YẾU TỐ VỀ GIỚI

- Dự án, phương án SXKD tạo thêm bao nhiêu việc làm?
- Tỷ lệ lao động nữ tăng thêm chiếm bao nhiêu % tổng số lao động tăng thêm?

## CHƯƠNG III: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Tổng vốn đầu tư của dự án bao gồm toàn bộ các khoản chi phí để thiết lập, xây dựng và tạo dựng các điều kiện cần thiết để đưa dự án vào hoạt động kinh doanh bình thường nhằm đạt được mục tiêu mà chủ dự án đề ra.

#### 1.1. DỰ TOÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Đvt: triệu đồng

TT	Hạng mục	Số tiền	Ghi chú
1	Chi phí xây dựng		(1)
2	Chi phí thiết bị		(2)
3	Chi phí quản lý dự án		
	.....		
	TỔNG CỘNG		

Chi tiết (1), (2)

TT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Khối lượng/số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ
1						
2						
3						
4						



## 1.2. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Đvt: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Số tiền	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Vốn tự có			
2	Vốn vay: + Ngân hạn + Trung, dài hạn			
3	Vốn khác			
	TỔNG CỘNG			

## 2. DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ VỐN

TT	Nguồn vốn	Số tiền	Lịch huy động vốn		
			Thời gian	Thời gian	....
1	Vốn tự có				
2	Vốn vay				
3	Vốn khác				
	TỔNG CỘNG				

## 3. DOANH THU DỰ ÁN

Dựa trên dự báo về thị trường của DN trong thời gian tới, DN dự kiến kế hoạch doanh thu hàng năm của dự án

Chỉ tiêu	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
Doanh thu					
-					
-					
-					
TỔNG CỘNG					

## 4. CHI PHÍ VẬN HÀNH DỰ ÁN HOẠT ĐỘNG

### a) Kế hoạch trích khấu hao

- Phương pháp trích khấu hao:
- Thời gian trích khấu hao:
- Bảng tính khấu hao:

Đvt: triệu đồng

TT	Danh mục tài sản cố định	Nguyên giá	Thời gian khấu hao	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
1								
2								
3								
4								
	TỔNG CỘNG							

### b) Chi phí hoạt động

TT	Khoản mục	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
A	Chi phí nguyên nhiên vật liệu					
B	Chi phí khấu hao					
C	Chi phí tiền lương					
D	Chi phí lãi vay					
E	Chi phí bán hàng + chi phí quản lý (trừ chi phí lương)					
G	Chi phí sản xuất chung					
	TỔNG CHI PHÍ					

## 5. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

### 5.1. BÁO CÁO DÒNG TIỀN

TT	Khoản mục	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
1	Dòng tiền vào					
	Doanh thu bán hàng					
	Tổng lưu chuyển tiền tệ vào					
	Hiện giá dòng tiền vào, chiết khấu 10%					
2	Dòng tiền ra					
	Đầu tư ban đầu					
	Chi phí hoạt động					
	Thay đổi hàng tồn kho					
	Tổng lưu chuyển tiền tệ ra					
	Hiện giá dòng tiền ra, chiết khấu 10%					
	Dòng tiền ròng trước thuế					
	Dòng tiền ròng trước thuế, chiết khấu 10%					
	(-) thuế TNDN					
	Dòng tiền ròng (sau thuế)					

### 5.2. CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

TT	Chỉ số	Điều kiện	Ghi chú
1	NPV	> 0	
2	IRR	> LSCK	
3	Thời gian hoàn vốn		

## CHƯƠNG IV: KẾ HOẠCH VAY TRẢ NỢ, PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI

### 1. KẾ HOẠCH VAY TRẢ NỢ

- Tổng mức vay:
- Thời gian vay:
- Kế hoạch trả nợ gốc: trả theo quý/ theo tháng/ khác...
- Lãi vay: trả theo quý/ theo tháng/ khác...
- Tài sản đảm bảo nợ vay:

	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
Tổng vốn vay					
Lãi suất (%/năm)					
Nợ đầu năm					
+ Lãi phát sinh trong kỳ					
+ Nợ gốc + lãi tích lũy trong kỳ					
+ Thanh toán lãi					
+ Thanh toán nợ gốc					
Nợ cuối năm					
NGUỒN TRẢ NỢ					
Khấu hao					
Lợi nhuận ròng					
CHÊNH LỆCH					

- Kế hoạch vay vốn:

	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm n
Tổng vốn vay				
Lãi suất (%/năm)				
Nợ đầu năm				
+ Lãi phát sinh trong kỳ				
+ Nợ gốc + lãi tích lũy trong kỳ				
+ Thanh toán lãi				
+ Thanh toán nợ gốc				
Nợ cuối năm				
NGUỒN TRẢ NỢ				
Khấu hao				
Lợi nhuận ròng				
CHÊNH LỆCH				

- Lịch trả nợ vay:

Đvt: triệu đồng

Năm	Số dư đầu kỳ nợ gốc	Trả lãi	Trả gốc	Số tiền phải trả	Số dư Nợ gốc cuối kỳ

- Cân đối nguồn tiền trả nợ vay

TT	Khoản mục	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
1	Nguồn trả nợ					
	Khấu hao					
	Lợi nhuận ròng					
2	Trả nợ					
	Nợ gốc					
	Lãi vay					
3	Chênh lệch (1)-(2)					
4	Lũy kế					

## 2. HIỆU QUẢ KINH TẾ

Hiệu quả kinh tế: ước tính được bằng số lượng, hoặc bằng tiền.

## 3. LỢI ÍCH XÃ HỘI

Các lợi ích xã hội từ dự án (Ví dụ: xóa đói giảm nghèo; nâng cao dân trí; giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động trong đó tỷ lệ bao nhiêu lao động nữ, lao động người khuyết tật (nếu có); mức thu nhập tăng thế nào so với trước khi thực hiện dự án).

## CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. KẾT LUẬN

- Nêu rõ những mặt thuận lợi và trở ngại cho việc thực hiện dự án;
- Khẳng định tính ưu điểm và tính khả thi của dự án.

### 2. KIẾN NGHỊ

Các kiến nghị về việc chấp nhận đầu tư, về việc xin vay vốn cần ngắn gọn, rõ ràng.

....., ngày ..... tháng .....năm.....

**CHỦ ĐẦU TƯ**

Ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

**PHỤ LỤC 02**  
**MẪU DỰ ÁN – PHƯƠNG ÁN**  
**SẢN XUẤT KINH DOANH GẮN**  
**VỚI TIÊU CHÍ XANH, PHÁT TRIỂN**  
**BỀN VỮNG TRONG LĨNH VỰC**  
**LÂM NGHIỆP**



## 1. GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ

Tên Doanh nghiệp	
Địa chỉ trụ sở chính	
Địa chỉ liên lạc	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Mã số DN)	
Giấy chứng nhận đầu tư số (Nếu có)	
Điện thoại/ Fax	
Email	
Website	
Vốn điều lệ	
Vốn chủ sở hữu năm tài chính gần nhất	
Hình thức sở hữu (Công ty TNHH, Công ty CP, DNTN)	
Ngành nghề kinh doanh chính	
Sản phẩm của DN đang sản xuất	
Người đại diện pháp luật	
Chức vụ	
Số CMND/ Hộ chiếu	
Điện thoại/ Thông tin liên lạc	
Kinh nghiệm làm việc của các thành viên Ban giám đốc (Tên thành viên Ban giám đốc/ Số năm kinh nghiệm)	
Lịch sử tín dụng DN (DN hiện đang có quan hệ tín dụng với ngân hàng nào? Có nợ xấu, nợ cần chú ý trong 3 năm gần nhất không?)	

## 2. MÔ TẢ SƠ BỘ DỰ ÁN

- Tên dự án:
- Địa điểm thực hiện dự án:
- Quy mô dự án:
- Tổng vốn đầu tư dự kiến:
- Sản phẩm đầu ra:
- Thời gian thực hiện:
- Vòng đời dự án:
- Những điểm nổi bật doanh nghiệp sẽ thu được từ dự án:

## 3. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ VÀ MỤC TIÊU DỰ ÁN

3.1. Mục tiêu (DN xác định rõ mục tiêu của dự án: xây dựng vì mục đích phòng hộ, đặc dụng, sản xuất hay kinh doanh rừng giống)

3.2. Đánh giá về nguồn cung nguyên vật liệu và yếu tố đầu vào

=> Nêu bật được sự cần thiết và tính khả thi của việc đầu tư lần này.

## 4. CƠ SỞ PHÁP LÝ DỰ ÁN

Nêu rõ các tài liệu liên quan trực tiếp đến dự án lần này

## CHƯƠNG II: QUY MÔ DỰ ÁN

### 1. QUY MÔ DỰ ÁN

- Tổng diện tích khu đất:  
DN nêu rõ diện tích của các hạng mục xây dựng
- Tổng diện tích xây dựng:

### 2. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT DỰ ÁN

#### 2.1. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ, XÂY DỰNG

Các hạng mục đầu tư xây dựng của dự án cần được trình bày cụ thể

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Kết cấu

#### 2.2. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

##### 2.2.1. CÁC GIẢI PHÁP CUNG ỨNG ĐẦU VÀO

- Nguồn cung cấp điện:
- Nguồn cung cấp nước:
- Hệ thống thoát nước:
- Giải pháp thông tin liên lạc:
- Các biện pháp PCCC:

##### 2.2.2. CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

a) Danh mục hệ thống máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển hiện có:

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Xuất xứ	Đơn giá (chưa thuế)	Nguyên giá (chưa thuế)	Giá trị còn lại (chưa thuế)

**b) Danh mục hệ thống máy móc đầu tư thêm mới:**

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Năm sản xuất/ Năm đưa vào sử dụng	Xuất xứ	Đơn giá (chưa thuế)	Nguyên giá (chưa thuế)	Giá trị còn lại (chưa thuế)

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÁY**

TT	Tên máy móc, thiết bị mới	Thông số kỹ thuật	Tình trạng

- Doanh nghiệp có được cấp bằng độc quyền sang chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích do Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH và CN cấp hoặc có bằng sang chế do các cơ quan có thẩm quyền tại các nước trên thế giới cấp trong 5 năm gần nhất không? (Nếu có, DN nêu tên và đơn vị cấp bằng; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Công nghệ của công ty có phải công nghệ tiên tiến lần đầu tiên được chuyển giao vào Việt Nam? (Nếu có, DN thuyết minh hoặc căn cứ chứng minh; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Công nghệ của Dự án là công nghệ gì? Có thuộc Danh mục công nghệ cao được khuyến khích đầu tư phát triển do Thủ tướng phê duyệt từng thời kỳ hoặc có chứng nhận công nghệ cao do Văn phòng chứng nhận hoạt động công nghệ thuộc Bộ KH và CN cấp hoặc có chứng nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao do các cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành cấp không? (Nếu có, DN nêu tên và đơn vị cấp chứng nhận; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Dự án, phương án SXKD có sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị định số 120/2014/NĐ-CP

ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ) không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)

### **2.2.3. CÁC GIẢI PHÁP XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG**

- Chủ đầu tư chỉ rõ các nguồn gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, nguồn gây ồn,...Đồng thời, DN đưa ra các biện pháp khống chế và giảm thiểu những tác động có hại phát sinh từ Dự án.
- Hoạt động sản xuất của Dự án có tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững không? (Nếu có, DN thuyết minh hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường bền vững; Nếu không, bỏ qua nội dung này)

## **3. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ VÀ PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ RÁC THẢI/ NƯỚC THẢI**

### **3.1. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ**

Chủ đầu tư cần thể hiện rõ sơ đồ quy trình công nghệ và nguyên lý hoạt động

### **3.2. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ RÁC THẢI/ NƯỚC THẢI**

Trong phần này, Chủ đầu tư thuyết minh cụ thể quy trình hoạt động xử lý rác thải/ nước thải (Từ khâu thu gom và vận chuyển chất thải, tiếp nhận và phân loại chất thải, tái chế và xử lý chất thải ...)

## **4. TIẾN ĐỘ DỰ ÁN**

Công ty nêu tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện dự án đến giai đoạn dự án đi vào hoạt động).

## **5. HÌNH THỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, thực hiện dự án hay thuê đơn vị thi công.

## **6. KHẢ NĂNG TẠO VIỆC LÀM VÀ YẾU TỐ VỀ GIỚI**

- Dự án, phương án SXKD tạo thêm bao nhiêu việc làm?
- Tỷ lệ lao động nữ tăng thêm chiếm bao nhiêu % tổng số lao động tăng thêm?

## CHƯƠNG III: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Tổng vốn đầu tư của dự án bao gồm toàn bộ các khoản chi phí để thiết lập, xây dựng và tạo dựng các điều kiện cần thiết để đưa dự án vào hoạt động kinh doanh bình thường nhằm đạt được mục tiêu mà chủ dự án đề ra.

#### 1.1. DỰ TOÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Đvt: triệu đồng

TT	Hạng mục	Số tiền	Ghi chú
1	Chi phí xây dựng		(1)
2	Chi phí thiết bị		(2)
3	Chi phí quản lý dự án		
4	Chi phí tư vấn dự án		
	.....		
	<b>TỔNG CỘNG</b>		

Chi tiết (1), (2)

TT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Khối lượng/số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ
1						
2						
3						
4						

## 1.2. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Đvt: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Số tiền	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Vốn tự có			
2	Vốn vay: + Ngắn hạn + Trung, dài hạn			
3	Vốn khác			
	TỔNG CỘNG			

## 2. DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ VỐN

TT	Nguồn vốn	Số tiền	Lịch huy động vốn		
			Thời gian	Thời gian	...
1	Vốn tự có				
2	Vốn vay				
3	Vốn khác				
	TỔNG CỘNG				

## 3. DOANH THU DỰ ÁN

Dựa trên dự báo về thị trường của DN trong thời gian tới, DN dự kiến kế hoạch doanh thu hàng năm của dự án

	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
Doanh thu					
-					
-					
-					
TỔNG CỘNG					

#### 4. CHI PHÍ VẬN HÀNH DỰ ÁN HOẠT ĐỘNG

##### a) Kế hoạch trích khấu hao

- Phương pháp trích khấu hao:
- Thời gian trích khấu hao:
- Bảng tính khấu hao:

Đvt: triệu đồng

TT	Danh mục tài sản cố định	Nguyên giá	Thời gian khấu hao	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
1								
2								
3								
4								
	TỔNG CỘNG							

##### b) Chi phí hoạt động

TT	Khoản mục	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
A	Chi phí nguyên nhiên vật liệu					
B	Chi phí khấu hao					
C	Chi phí tiền lương					
D	Chi phí lãi vay					
E	Chi phí bán hàng + chi phí quản lý (trừ chi phí lương)					
G	Chi phí sản xuất chung					
	TỔNG CHI PHÍ					



## 5. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

### 5.1. BÁO CÁO DÒNG TIỀN

TT	Khoản mục	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
1	Dòng tiền vào					
	Doanh thu bán hàng					
	Tổng lưu chuyển tiền tệ vào					
	Hiện giá dòng tiền vào, chiết khấu 10%					
2	Dòng tiền ra					
	Đầu tư ban đầu					
	Chi phí hoạt động					
	Thay đổi hàng tồn kho					
	Tổng lưu chuyển tiền tệ ra					
	Hiện giá dòng tiền ra, chiết khấu 10%					
	Dòng tiền ròng trước thuế					
	Dòng tiền ròng trước thuế, chiết khấu 10%					
	(-) thuế TNDN					
	Dòng tiền ròng (sau thuế)					

## 5.2. CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

TT	Chỉ số	Điều kiện	Ghi chú
1	NPV	$> 0$	
2	IRR	$> \text{LSCK}$	
3	Thời gian hoàn vốn		

## CHƯƠNG IV: KẾ HOẠCH VAY TRẢ NỢ, PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI

### 1. KẾ HOẠCH VAY TRẢ NỢ

- Tổng mức vay:
- Thời gian vay:
- Kế hoạch trả nợ gốc: trả theo quý/ theo tháng/ khác...
- Lãi vay: trả theo quý/ theo tháng/ khác...
- Tài sản đảm bảo nợ vay:
- Kế hoạch vay vốn:

	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
Tổng vốn vay					
Lãi suất (%/năm)					
Nợ đầu năm					
+ Lãi phát sinh trong kỳ					
+ Nợ gốc + lãi tích lũy trong kỳ					
+ Thanh toán lãi					
+ Thanh toán nợ gốc					
Nợ cuối năm					
NGUỒN TRẢ NỢ					
Khấu hao					
Lợi nhuận ròng					
CHÊNH LỆCH					

- Lịch trả nợ vay:

Đvt: triệu đồng

Năm	Số dư đầu kỳ nợ gốc	Trả lãi	Trả gốc	Số tiền phải trả	Số dư Nợ gốc cuối kỳ

- Cân đối nguồn tiền trả nợ vay

TT	Khoản mục	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
1	Nguồn trả nợ					
	Khấu hao					
	Lợi nhuận ròng					
2	Trả nợ					
	Nợ gốc					
	Lãi vay					
3	Chênh lệch (1)-(2)					
4	Lũy kế					

## 2. HIỆU QUẢ KINH TẾ

Hiệu quả kinh tế: ước tính được bằng số lượng, hoặc bằng tiền.

## 3. LỢI ÍCH XÃ HỘI

Các lợi ích xã hội từ dự án (Ví dụ: xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động trong đó tỷ lệ bao nhiêu lao động nữ, lao động người khuyết tật (nếu có); mức thu nhập tăng thế nào so với trước khi thực hiện dự án).

## CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. KẾT LUẬN

- Nêu rõ những mặt thuận lợi và trở ngại cho việc thực hiện dự án;
- Khẳng định tính ưu điểm và tính khả thi của dự án.

### 2. KIẾN NGHỊ

Các kiến nghị về việc chấp nhận đầu tư, về việc xin vay vốn cần ngắn gọn, rõ ràng.

....., ngày ..... tháng .....năm.....

**CHỦ ĐẦU TƯ**

Ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

**PHỤ LỤC 03**  
**MẪU DỰ ÁN – PHƯƠNG ÁN SẢN**  
**XUẤT KINH DOANH GẮN VỚI TIÊU**  
**CHÍ XANH, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**  
**TRONG LĨNH VỰC THỦY HẢI SẢN**

## CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

### 1. GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ

Tên Doanh nghiệp	
Địa chỉ trụ sở chính	
Địa chỉ liên lạc	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Mã số DN)	
Giấy chứng nhận đầu tư số (Nếu có)	
Điện thoại/ Fax	
Email	
Website	
Vốn điều lệ	
Vốn chủ sở hữu năm tài chính gần nhất	
Hình thức sở hữu (Công ty TNHH, Công ty CP, DNTN)	
Ngành nghề kinh doanh chính	
Sản phẩm của DN đang sản xuất	
Người đại diện pháp luật	
Chức vụ	
Số CMND/ Hộ chiếu	
Điện thoại/ Thông tin liên lạc	
Kinh nghiệm làm việc của các thành viên Ban giám đốc (Tên thành viên Ban giám đốc/ Số năm kinh nghiệm)	
Lịch sử tín dụng DN (DN hiện đang có quan hệ tín dụng với ngân hàng nào? Có nợ xấu, nợ cần chú ý trong 3 năm gần nhất không?)	

## 2. MÔ TẢ SƠ BỘ THÔNG TIN DỰ ÁN

- Tên dự án:
- Địa điểm thực hiện dự án:
- Quy mô dự án:
- Tổng vốn đầu tư dự kiến:
- Sản phẩm đầu ra:
- Thời gian thực hiện:
- Vòng đời dự án:
- Những điểm nổi bật doanh nghiệp sẽ thu được từ dự án:

## 3. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN

3.1. DN đánh giá chung về thị trường nuôi trồng và tiêu thụ thủy sản tại Việt Nam và lĩnh vực thủy sản liên quan đến dự án.

3.2. Đánh giá thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ đầu ra của dự án (Đánh giá tổng quan về nhu cầu sản phẩm của dự án, Đánh giá về cung sản phẩm, Thị trường mục tiêu và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án, Phương thức tiêu thụ và mạng lưới phân phối, Đánh giá, dự kiến khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án).

3.3. Đánh giá khả năng cung cấp nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào.

=> Nêu bật được sự cần thiết và tính khả thi của việc đầu tư lần này.

## 4. CƠ SỞ PHÁP LÝ DỰ ÁN

Chủ đầu tư nêu tên các văn bản quy phạm pháp luật tác động tới việc đầu tư dự án lần này.



## CHƯƠNG II: QUY MÔ DỰ ÁN

### 1. QUY MÔ DỰ ÁN

- Tổng diện tích khu đất:  
DN nêu rõ diện tích của các hạng mục xây dựng
- Tổng diện tích xây dựng:

### 2. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT DỰ ÁN

#### 2.1. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ, XÂY DỰNG

Các hạng mục đầu tư xây dựng của dự án cần được trình bày cụ thể

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Kết cấu

#### 2.2. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

##### 2.2.1. CÁC GIẢI PHÁP CUNG ỨNG ĐẦU VÀO

- Giải pháp cấp điện:
- Giải pháp cấp thoát nước:
- Giải pháp thông tin liên lạc:
- Các biện pháp PCCC:

##### 2.2.2. CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG THIẾT BỊ MÁY MÓC, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

a) Danh mục hệ thống máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển hiện có:

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Xuất xứ	Đơn giá (chưa thuế)	Nguyên giá (chưa thuế)	Giá trị còn lại (chưa thuế)

**b) Danh mục hệ thống máy móc đầu tư thêm mới:**

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Năm sản xuất/Năm đưa vào sử dụng	Xuất xứ	Đơn giá (chưa thuế)	Nguyên giá (chưa thuế)	Giá trị còn lại (chưa thuế)

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÁY**

TT	Tên máy móc, thiết bị mới	Thông số kỹ thuật	Tình trạng

- Việc đổi mới trang thiết bị kỹ thuật, máy móc lần này có làm tăng năng suất lao động không? (Nếu có, DN thuyết minh về việc đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Doanh nghiệp có được cấp bằng độc quyền sang chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích do Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH và CN cấp hoặc có bằng sang chế do các cơ quan có thẩm quyền tại các nước trên thế giới cấp trong 5 năm gần nhất không? (Nếu có, DN nêu tên và đơn vị cấp bằng; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Công nghệ của công ty có phải công nghệ tiên tiến lần đầu tiên được chuyển giao vào Việt Nam? (Nếu có, DN thuyết minh hoặc căn cứ chứng minh; Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Công nghệ của Dự án là công nghệ gì? Có thuộc Danh mục công nghệ cao được khuyến khích đầu tư phát triển do Thủ tướng phê duyệt từng

thời kỳ hoặc có chứng nhận công nghệ cao do Văn phòng chứng nhận hoạt động công nghệ thuộc Bộ KH và CN cấp hoặc có chứng nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao do các cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành cấp không? (Nếu có, DN nêu tên và đơn vị cấp chứng nhận; Nếu không, bỏ qua nội dung này)

- Dự án, phương án SXKD có sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị định số 120/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ) không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)

### **2.2.3. CÁC GIẢI PHÁP XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG**

- Chủ đầu tư chỉ rõ các nguồn gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, nguồn gây ồn...Đồng thời, DN đưa ra các biện pháp khống chế và giảm thiểu tối đa những tác động có hại tới môi trường.
- Hoạt động sản xuất của Dự án có tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững không? (Nếu có, DN thuyết minh hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường bền vững; Nếu không, bỏ qua nội dung này)

## **3. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ ÁN**

### **4. SẢN PHẨM DỰ ÁN**

- Sản phẩm của dự án: DN nêu tên cụ thể sản phẩm đầu ra của dự án
- Một số hình ảnh mang tính minh họa cho sản phẩm của Công ty
- Sản phẩm dự án có đạt giải thưởng chất lượng quốc gia do bộ KH và CN chứng nhận không? (Nếu có, DN nêu tên giải thưởng/ năm đạt giải) hoặc sản phẩm dự án có chứng nhận là hàng chất lượng cao của cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành cấp? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Sản phẩm của dự án có nằm trong danh mục sản phẩm mục tiêu của Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 do bộ KH và CN ban hành không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)

- Sản phẩm có phải là sản phẩm thân thiện với môi trường không (Sản phẩm được chứng nhận nhãn sinh thái - Nhãn xanh Việt Nam do Tổng cục Môi trường chứng nhận)? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)
- Sản phẩm của dự án có được sử dụng trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ theo “PHỤ LỤC III danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ không? (Nếu không, bỏ qua nội dung này)

## 5. TIẾN ĐỘ DỰ ÁN

- Công ty nêu tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện dự án đến giai đoạn dự án đi vào hoạt động).

## 6. HÌNH THỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, thực hiện dự án hay thuê đơn vị thi công.

## 7. KHẢ NĂNG TẠO VIỆC LÀM VÀ YẾU TỐ VỀ GIỚI

- Dự án, phương án SXKD tạo thêm bao nhiêu việc làm?
- Tỷ lệ lao động nữ tăng thêm chiếm bao nhiêu % tổng số lao động tăng thêm?

## CHƯƠNG III: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Tổng vốn đầu tư của dự án bao gồm toàn bộ các khoản chi phí để thiết lập, xây dựng và tạo dựng các điều kiện cần thiết để đưa dự án vào hoạt động kinh doanh bình thường nhằm đạt được mục tiêu mà chủ dự án đề ra.

#### 1.1. DỰ TOÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Đvt: triệu đồng

TT	Hạng mục	Số tiền	Ghi chú
1	Chi phí xây dựng		(1)
2	Chi phí thiết bị		(2)
3	Chi phí quản lý dự án		
	.....		
	TỔNG CỘNG		

Chi tiết (1), (2)

TT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Khối lượng/số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ
1						
2						
3						

## 1.2. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Đvt: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Số tiền	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Vốn tự có			
2	Vốn vay: + Ngân hạn + Trung, dài hạn			
3	Vốn khác			
	TỔNG CỘNG			

## 2. DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ VỐN

TT	Nguồn vốn	Số tiền	Lịch huy động vốn		
			Thời gian	Thời gian	...
1	Vốn tự có				
2	Vốn vay				
3	Vốn khác				
	TỔNG CỘNG				

## 3. DOANH THU DỰ ÁN

Dựa trên dự báo về thị trường của DN trong thời gian tới, DN dự kiến kế hoạch doanh thu hàng năm của dự án.

	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
Doanh thu					
-					
-					
-					
TỔNG CỘNG					

#### 4. CHI PHÍ VẬN HÀNH DỰ ÁN HOẠT ĐỘNG

##### a) Kế hoạch trích khấu hao

- Phương pháp trích khấu hao:
- Thời gian trích khấu hao:
- Bảng tính khấu hao:

Đvt: triệu đồng

TT	Danh mục tài sản cố định	Nguyên giá	Thời gian khấu hao	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
1								
2								
3								
4								
	TỔNG CỘNG							

**b) Chi phí hoạt động**

TT	Khoản mục	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm ...	Năm n
A	Chi phí nguyên nhiên vật liệu					
B	Chi phí khấu hao					
C	Chi phí tiền lương					
D	Chi phí lãi vay					
E	Chi phí bán hàng + chi phí quản lý (trừ chi phí lương)					
G	Chi phí sản xuất chung					
	TỔNG CHI PHÍ					



## 5. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

### 5.1. BÁO CÁO DÒNG TIỀN

TT	Khoản mục	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm...	Năm n
1	Dòng tiền vào					
	Doanh thu bán hàng					
	Tổng lưu chuyển tiền tệ vào					
	Hiện giá dòng tiền vào, chiết khấu 10%					
2	Dòng tiền ra					
	Đầu tư ban đầu					
	Chi phí hoạt động					
	Thay đổi hàng tồn kho					
	Tổng lưu chuyển tiền tệ ra					
	Hiện giá dòng tiền ra, chiết khấu 10%					
	Dòng tiền ròng trước thuế					
	Dòng tiền ròng trước thuế, chiết khấu 10%					
	(-) thuế TNDN					
	Dòng tiền ròng (sau thuế)					

### 5.2. CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

TT	Chỉ số	Điều kiện	Ghi chú
1	NPV	> 0	
2	IRR	> LSCK	
3	Thời gian hoàn vốn		

## CHƯƠNG IV: KẾ HOẠCH VAY TRẢ NỢ, PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI

### 1. KẾ HOẠCH VAY TRẢ NỢ

- Tổng mức vay:
- Thời gian vay:
- Kế hoạch trả nợ gốc: trả theo quý/ theo tháng/ khác...
- Lãi vay: trả theo quý/ theo tháng/ khác...
- Tài sản đảm bảo nợ vay:
- Kế hoạch vay vốn:

	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm...	Năm n
Tổng vốn vay					
Lãi suất (%/năm)					
Nợ đầu năm					
+ Lãi phát sinh trong kỳ					
+ Nợ gốc + lãi tích lũy trong kỳ					
+ Thanh toán lãi					
+ Thanh toán nợ gốc					
Nợ cuối năm					
NGUỒN TRẢ NỢ					
Khấu hao					
Lợi nhuận ròng					
CHÉNH LỆCH					

- Lịch trả nợ vay:

Đvt: triệu đồng

Năm	Số dư đầu kỳ nợ gốc	Trả lãi	Trả gốc	Số tiền phải trả	Số dư Nợ gốc cuối kỳ

- Cân đối nguồn tiền trả nợ vay

TT	Khoản mục	Năm 0	Năm 1	Năm 2	Năm...	Năm n
1	Nguồn trả nợ					
	Khấu hao					
	Lợi nhuận ròng					
2	Trả nợ					
	Nợ gốc					
	Lãi vay					
3	Chênh lệch (1)-(2)					
4	Lũy kế					

## 2. HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Hiệu quả kinh tế: ước tính được bằng số lượng, hoặc bằng tiền.

## 3. LỢI ÍCH XÃ HỘI

- Các lợi ích xã hội từ dự án (Ví dụ: xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động trong đó tỷ lệ bao nhiêu lao động nữ, lao động người khuyết tật (nếu có); mức thu nhập tăng thế nào so với trước khi thực hiện dự án).

## CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. KẾT LUẬN

- Nêu rõ những mặt thuận lợi và trở ngại cho việc thực hiện dự án;
- Khẳng định tính ưu điểm và tính khả thi của dự án.

### 2. KIẾN NGHỊ

Các kiến nghị về việc chấp nhận đầu tư, về việc xin vay vốn cần ngắn gọn, rõ ràng.

....., ngày ..... tháng .....năm.....

**CHỦ ĐẦU TƯ**

Ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu





**QUỸ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (SMEDF)**

Phòng 301, Nhà F, Trụ sở Bộ Kế hoạch và Đầu tư,  
số 6B Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

ĐT: 0243.7957855 - 0243.7957897

(số máy lẻ hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp: 204 và 205)

Email doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Quỹ: [callcenter.smedf@gmail.com](mailto:callcenter.smedf@gmail.com)

Email: [smedf1@mpi.gov.vn](mailto:smedf1@mpi.gov.vn)

Fax: 04 37512222

Website: [www.smedf.gov.vn](http://www.smedf.gov.vn) hoặc [smedf.gov.vn](http://smedf.gov.vn)